

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo hướng dẫn soạn Bài 30: Văn bản tường trình Ngữ Văn lớp 8 tập 2 VNEN được đội ngũ chuyên gia biên soạn đầy đủ và ngắn gọn dưới đây.

Hoạt động khởi động Bài 30: Văn bản tường trình

Vận dụng những kiến thức về từ Hán Việt, em hãy giải thích nghĩa của từ tường trình.

Trả lời:

Tường trình có nghĩa là trình bày lại rõ ràng.

Hoạt động hình thành kiến thức Bài 30: Văn bản tường trình

1. Tìm hiểu về văn bản tường trình

a) Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(Đọc văn bản Bản tường trình trong SGK – trang 92)

- (1) Trong văn bản trên, ai là người viết tường trình và viết cho ai?
- (2) Lí do và mục đích viết văn bản tường trình?
- (3) Người viết trình bày về sự việc gì? Người viết có thái độ như nào đối với sự việc tường trình?
- (4) Văn bản tường trình trên có mấy phần? Mỗi phần có thể thức như thế nào?

b) Trong các tình huống sau, tình huống nào cần phải viết tường trình? Vì sao?

- (1) Lớp em muốn xin phép giáo viên chủ nhiệm tổ chức đi tham quan.
- (2) Lớp em cần tổng hợp, tóm tắt những thành tích trong năm học theo yêu cầu của nhà trường để bình xét thi đua.
- (3) Trong giờ thực hành, em vô tình làm hỏng dụng cụ thí nghiệm.
- (4) Cả lớp đang cần thông tin về thời gian nhà trường kiểm tra cuối năm học.

(5) Gia đình em bị kẻ gian đột nhập, lấy trộm tài sản.

Trả lời:

a. Trả lời các câu hỏi:

(1) Trong bản tường trình về việc đi học muộn trên, người viết bản tường trình là một học sinh (thuộc lớp 8A), người nhận là cô giáo chủ nhiệm của lớp 8A.

(2) Mục đích bản tường trình là trình bày rõ lí do vì sao đi học muộn.

(3) Người viết trình bày về sự việc giúp đỡ một nữ du khách nước ngoài bị mất giấy tờ tùy thân dẫn đến việc đi học muộn.

Thái độ của người viết khách quan và trung thực.

(4) Văn bản tường trình gồm có 3 phần: Mở đầu, Nội dung và Kết thúc.

Thể thức cụ thể của từng phần như sau:

1) Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa)

+ Địa điểm và thời gian tường trình (ghi góc bên phải)

+ Tên văn bản (ghi chính giữa và thường dùng chữ đậm hoặc in hoa)

+ Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình

2) Nội dung tường trình: Tường trình cụ thể, chi tiết diễn biến sự việc.

3) Kết thúc: Lời đề nghị, cam đoan (nếu cần); chữ kí và họ tên của người làm tường trình.

b. Những tình huống phải viết bản tường trình là tình huống (3) và (5)

Vì đây đều là những tình huống cần phải trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

2. Cách viết văn bản tường trình.

- a) Phần mở đầu văn bản tường trình gồm những nội dung gì? Những nội dung ấy được quy định trình bày như thế nào (kiểu chữ, vị trí các mục,...)?
- b) Chọn câu đúng trong bảng sau và giải thích vì sao em chọn như vậy.

Để viết phần nội dung văn bản tường trình, người viết cần tuân thủ những yêu cầu sau:	Đúng	Sai
Trình bày thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của sự việc, họ tên người chứng kiến hoặc liên quan (nếu có), mức độ trách nhiệm của người viết.		
Thống kê những số liệu liên quan, liệt kê những thông tin quan trọng nhất và rút ra kết luận về sự việc, hiện tượng.		
Cần bày tỏ rõ ràng ý kiến của người viết và những người liên quan trước sự việc xảy ra.		
Thái độ của người viết phải khách quan, trung thực. Thông tin phải chính xác. Yêu cầu, đề nghị phải ngắn gọn, rõ ràng.		

- c) Phần kết thúc của văn bản tường trình cần có những thông tin gì? Những thông tin ấy được quy định trình bày như thế nào?

Trả lời:

- a. Phần mở đầu văn bản tường trình gồm những nội dung:

1. Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

2. Địa điểm và thời gian tường trình (ghi góc bên phải)

....., ngày tháng năm

3. Tên văn bản (ghi chính giữa và thường dùng chữ đậm hoặc in hoa)

Bản tường trình (Về việc)

4. Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình:

Kính gửi:

b. Hoàn thành bảng

Để viết phần nội dung văn bản tường trình, người viết cần tuân thủ những yêu cầu sau:	Đúng	Sai
Trình bày thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của sự việc, họ tên người chứng kiến hoặc liên quan (nếu có), mức độ trách nhiệm của người viết.	Đ	
Thống kê những số liệu liên quan, liệt kê những thông tin quan trọng nhất và rút ra kết luận về sự việc, hiện tượng.		S
Cần bày tỏ rõ ràng ý kiến của người viết và những người liên quan trước sự việc xảy ra.		S
Thái độ của người viết phải khách quan, trung thực. Thông tin phải chính xác. Yêu cầu, đề nghị phải ngắn gọn, rõ ràng.	Đ	

c. Phần kết thúc của văn bản tường trình cần có những thông tin :

Lời đề nghị, cam đoan (nếu cần); chữ kí và họ tên của người làm tường trình.

Hoạt động luyện tập Bài 30: Văn bản tường trình

1. Luyện tập về văn bản tường trình

a) Mục đích của văn bản tường trình là gì?

b) Văn bản tường trình và văn bản báo cáo có điểm gì giống và khác nhau?

c) Cho những thông tin sau:

Trong giờ thực hành môn hóa học, buổi sáng ngày 22 tháng 01 năm 2016, tiết học thứ 4, lớp 8C trường THCS Lê Quý Đôn, huyện X đã làm vỡ hai bình hóa chất, mã số 0017 và 0018. Lớp phải nghỉ tiết thực hành để dọn dẹp.

Em hãy tưởng tượng mình là chủ tịch Hội đồng tự quản của lớp 8C, viết bản tường trình gửi nhà trường về sự việc trên.

Trả lời:

a. Mục đích của văn bản tường trình:

Khi có một sự việc xảy ra (gây hậu quả xấu) khiến cho người có trách nhiệm (hoặc cấp có thẩm quyền) phải xem xét, người liên quan đến sự việc đó phải viết bản tường trình để trình bày một cách tường tận, rõ ràng sự việc diễn ra, đồng thời phải nêu rõ mức độ trách nhiệm của mình.

Vậy, văn bản tường trình là loại văn bản trình bày để người có trách nhiệm hoặc cấp có thẩm quyền hiểu đúng bản chất sự việc, mà sự việc ấy có liên quan đến người viết tường trình.

b. So sánh văn bản tường trình và văn bản thông báo:

Tường trình và báo cáo giống nhau ở thể thức trình bày, nội dung trình bày có thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc.

Ở văn bản tường trình chỉ nói tới những sự việc để lại hậu quả và xác định mức độ trách nhiệm của người tường trình.

Văn bản thông báo chỉ trình bày một vấn đề được tổng kết có ưu điểm, khuyết điểm có phương hướng sắp tới.

c. Viết bản tường trình:

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2019

BẢN TƯỜNG TRÌNH

(Về việc làm hỏng thiết bị học tập của nhà trường)

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường THCS Lê Quý Đôn

Tên em là: Nguyễn Ngọc A, Chủ tịch Hội đồng tự quản của lớp 8C

Trong giờ thực hành môn hóa học, buổi sáng ngày 22 tháng 01 năm 2016, tiết học thứ 4, lớp 8C trường THCS Lê Quý Đôn đã làm vỡ hai bình hóa chất, mã số 0017 và 0018. Thay mặt tập thể lớp, em xin tường trình lại vụ việc như sau:

Vào khoảng ... giờ ... ngày.... (tường trình về những người liên quan, diễn biến của sự việc; nguyên nhân dẫn đến sự việc, mức độ thiệt hại)

Em xin cam đoan những điều em nêu trên là đúng sự thực. Nếu sai, em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của nhà trường.

Người viết tường trình

Nguyễn Ngọc A

2. Luyện tập về câu phân loại theo mục đích nói

a) Hoàn thiện bảng thống kê câu phân loại theo mục đích nói sau:

Kiểu câu Dấu hiệu hình thức Chức năng Ví dụ

Câu nghi vấn

Câu cầu khiến

Câu cảm thán

Câu trần thuật

Câu phủ định

b) Xét theo mục đích nói, các câu dưới đây thuộc kiểu câu nào (không xét câu trong ngoặc vuông)?

(1) *U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội.*

(Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)

(2) *Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

(3) *Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!*

(Tố Hữu, *Ta đi tới*)

(4) *Các em đừng khóc.*

(Thanh Tịnh, *Tôi đi học*)

(5) [*Năm nay đào lại nở*]

Không thấy ông đồ xưa.

(Vũ Đình Liên, *Ông đồ*)

c) Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi :

Tôi bật cười bảo lão [1] :

- Sao cụ lo xa quá thế [2] ? Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ [3] ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay [4] ! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại [5] ?

- Không, ông giáo ạ [6] ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu [7] ?

(Nam Cao, Lão Hạc)

(1) Trong những câu trên, câu nào là câu trần thuật ? Câu nào là câu cầu khiến ? Câu nào là câu nghi vấn ?

(2) Trong số các câu nghi vấn trên, câu nào dùng để hỏi ? Câu nào không được dùng để hỏi ?

Trả lời:

a. Hoàn thiện bảng thống kê

Kiểu câu	Dấu hiệu hình thức	Chức năng	Ví dụ
Câu nghi vấn	- Chứa các từ để hỏi: Ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, hay, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ(có)...không(đã)...chưa - Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm.	Dùng để hỏi	Em ăn cơm chưa?
Câu cầu khiến	- Chứa từ ngữ cầu khiến: Hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào - Kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm.	Dùng để: + Ra lệnh + Yêu cầu, đề nghị + Khuyên bảo	Đừng mở cửa sổ!
Câu cảm thán	- Chứa từ ngữ cảm thán: Ôi, than ôi, Hỡi ơi, chao ơi, trời ơi, Thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào... - Kết thúc bằng dấu chấm than	Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc	- Ôi, trời hôm nay thật đẹp!
Câu trần thuật	Không có đặc điểm của các kiểu câu: Câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán	Dùng để: - Kể, thông báo, nhận định, miêu tả. - Yêu cầu, đề nghị, bộc	Hôm nay tôi đi học.

		lộ cảm xúc	
Câu phủ định	Chứa các từ ngữ phủ định: – không, không phải, không phải là,... – chưa, chẳng, chả, chẳng phải, chả phải,.. – đâu phải, đâu có phải,...	- Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó. - Bác bỏ một ý kiến, một nhận định.	Tôi không ra Hà Nội hôm nay.

b. Xác định mục đích nói cho các câu:

(1) *U nó không được thế! (Câu cầu khiến)*

Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội. (Câu trần thuật)

(2) *Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả? (Câu nghi vấn)*

(3) *Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi! (Câu cảm thán)*

(4) *Các em đừng khóc. (Câu cầu khiến)*

(5) *[Năm nay đào lại nở]*

Không thấy ông đồ xưa.

(Câu phủ định)

c. Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

(1) Câu trần thuật: [1], [3], [6] .

+ *Tôi bật cười bảo lão.*

+ *Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ.*

+ *Không, ông giáo ạ*

- Câu cầu khiến: [4]

+ *Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay*

- Câu nghi vấn: [2[, [5], [7].

+ *Sao cụ lo xa quá thế?*

+ *Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại ?*

+ *Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?*

2) Các câu nghi vấn không dùng để hỏi:

+ *Sao cụ lo xa quá thế?* (Biểu lộ sự ngạc nhiên)

+ *Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?* (giải thích)

Câu nghi vấn dùng để hỏi: [7]

+ *Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?*

3. Ôn tập văn học Việt Nam - Phần thơ trữ tình

a) Hoàn thành bảng thông kê sau :

STT	Văn bản	Tác giả	Thể thơ	Nội dung chủ yếu	Đặc điểm nổi bật về nghệ thuật
1	Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác				
2	Đập đá ở Côn Lôn				
3	Muốn làm thằng Cuội				
4	Tức cảnh Pác Bó				

5	Đi đường				
6	Ngắm trăng				
7	Nhớ rừng				
8	Ông đồ				
9	Quê hương				
10	Khi con tu hú				
11	Hai chữ nước nhà				

b) Nhân vật trữ tình trong các bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác; Đập đá ở Côn Lôn, Đi đường, Ngắm trăng, Khi con tu hú* có điểm tương đồng nào về cảnh ngộ, ý chí, khát vọng? Từ đó, hãy khái quát một số đặc điểm của thơ ca yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX.

c) Thơ Đường luật được quy định như thế nào về số câu chữ, thanh điệu, vần điệu, đối ngẫu? Các bài thơ *Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương* có chịu sự quy định đó không?

d) Nhân vật trữ tình trong các bài thơ *Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương* có chung tâm trạng gì? Tâm trạng ấy thể hiện thái độ gì với quá khứ và hiện tại?

e) Qua bài thơ *Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương*, em nhận thấy những đặc điểm gì về hình thức, nội dung của thơ mới?

g) Qua các bài thơ *Tức cảnh Pác Bó, Đi đường, Ngắm trăng*, em cảm nhận được điều gì về tâm hồn, ý chí của nhân vật trữ tình?

Trả lời:

a. Hoàn thành bảng:

STT	Văn bản	Tác giả	Thể thơ	Nội dung chủ yếu	Đặc điểm nổi bật về nghệ thuật
-----	---------	---------	---------	------------------	--------------------------------

1	Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác	Phan Bội Châu (1867 - 1940)	Thất ngôn bát cú	Khí phách kiên cường bất khuất và phong thái ung dung đường hoàng vượt lên cảnh ngục tù của nhà chí sĩ yêu nước.	Giọng điệu hào hùng, khoáng đạt, có sức lôi cuốn mạnh mẽ.
2	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh (1872 - 1926)	Thất ngôn bát cú	Hình tượng đẹp ngang tàng, lắm liệt của người anh hùng cứu nước dù gặp cảnh nguy nan vẫn không sờn lòng đổi chí.	Bút pháp lãng mạn, giọng điệu hào hùng đầy khí phách.
3	Muốn làm thằng Cuội	Tản Đà (1889 - 1939)	Thất ngôn bát cú	Tâm sự của một con người bất hoà sâu sắc với thực tại tầm thường, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng.	
4	Tức cảnh Pác Bó	Hồ Chí Minh (1890 - 1969)	Thất ngôn tứ tuyệt	Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khó ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hoà hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.	Giọng thơ hóm hỉnh, vừa mang vẻ cổ điển vừa hiện đại.
5	Đi đường	Hồ Chí Minh (1890 - 1969)	Thất ngôn tứ tuyệt	Từ việc đi đường núi gợi ra chân lí đường đời: vượt qua gian lao chông chát se tới thắng lợi vẻ vang.	
6	Ngắm trăng	Hồ Chí Minh (1890 - 1969)	Thất ngôn tứ tuyệt	Tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh ngục tù khốc liệt, tăm tối.	

7	Nhớ rừng	Thế Lữ (1907 - 1989)	Thơ tự do	Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú để thể hiện sự chán ghét thực tại tầm thường tù túng, niềm khát khao tự do mãnh liệt và khơi gợi lòng yêu nước nơi người dân.	Bút pháp lãng mạn, sự thay đổi vần nhịp, phép tương phản đối lập.
8	Ông đồ				
9	Quê hương	Tế Hanh	Thơ tự do	Vẻ đẹp của bức tranh làng quê miền biển và tình yêu quê hương trong sáng, thiết tha của nhà thơ.	Lời thơ giản dị, hình ảnh thơ mộc mạc mà tinh tế lại giàu ý nghĩa biểu trưng.
10	Khi con tu hú	Tố Hữu (1920 - 2002)	Thơ lục bát	Tình yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên và niềm khát vọng tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đày.	Giọng thơ tha thiết, sôi nổi, phong phú.
11	Hai chữ nước nhà	Ă Nam Trần Tuấn Khải (1895 - 1983)	Song thất lục bát	Tâm sự yêu nước của Trần Tuấn Khải và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào.	Mượn tích xưa để nói chuyện nay. Giọng điệu trữ tình thống thiết.

b.Nhân vật trữ tình trong các bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác; Đập đá ở Côn Lôn, Đi đường, Ngắm trăng, Khi con tu hú:*

– Nhân vật trữ tình trong các bài thơ trên đều là những chí sĩ yêu nước, chiến sĩ cách mạng viết thơ trong cảnh tù ngục với ý chí, khí phách hiên ngang, tinh thần bất khuất kiên cường, sẵn sàng chấp nhận hi sinh gian khổ hiểm nguy của cuộc sống tù đày và luôn khát khao tự do, độc lập.

- Thơ ca yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX là những áng văn chương với lòng yêu nước cháy bỏng, khắc họa hình tượng những người chiến sĩ yêu nước dù sống trong cảnh tù đày những vẫn giữ tư thế hiên ngang, khí phách hào hung, ý chí cứu nước.

c. Thơ Đường luật:

Quy định về số câu chữ, thanh điệu, vần điệu, đối ngẫu của thơ Đường:

- Về số câu chữ:

+ Với thể tứ tuyệt có 4 câu

+ Với thể bát cú có 8 câu

- Về thanh điệu: Luật thơ Đường căn cứ trên thanh bằng và thanh trắc, dùng các chữ thứ 2,4,6 và 7 trong một câu thơ để xây dựng luật. Thanh bằng gồm các chữ có dấu huyền hay không dấu; thanh trắc gồm các dấu: sắc, hỏi, ngã, nặng.

- Về vần điệu:

+ Thường dùng vần bằng, rất hiếm dùng vần trắc. Toàn bài thơ chỉ gieo một vần.

+ Có 5 vần gieo ở cuối câu đầu và các câu chẵn, nghĩa là cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.

- Về đối ngẫu: Những câu phải đối trong một bài thơ bát cú, trừ hai câu đầu, hai câu cuối, còn bốn câu giữa cứ hai câu sẽ đối nhau: câu 3 với câu 4, câu 5 với câu 6. Đối thường thể hiện sự tương phản về nghĩa nhưng cũng bao gồm cả sự tương đương trong cách dùng các từ ngữ.

- Các bài thơ Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương không chịu sự quy định trên.

d. Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong các bài thơ Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương: Nhân vật trữ tình trong các tác phẩm trên đều có chung tâm trạng buồn, nhớ thương, tiếc nuối. Tâm trạng ấy thể hiện thái độ chán nản, không bằng lòng với thực tại, nuối tiếc những quá khứ đẹp đẽ, oanh liệt.

e. Qua bài thơ *Nhớ rừng*, *Ông đồ*, *Quê hương*, em nhận thấy những đặc điểm về hình thức, nội dung của thơ mới như sau:

- Về hình thức: thường được viết theo thể thơ tự do, số lượng câu không giới hạn, ngôn từ giản dị.

- Về nội dung: Ra đời trong hoàn cảnh đất nước làm than, cả dân tộc đang ngập chìm trong bóng tối, các nhà thơ chán ghét thực tại nên tìm đến với những cảnh đẹp của quê hương, đất nước, nhớ về quá khứ huy hoàng đã qua, tiếc nuối những giá trị văn hóa truyền thống bị lãng quên, mai một. Điều ấy cũng thể hiện tâm tư thầm kín của các nhà thơ thời kì này về khát vọng đất nước ngày một phát triển hơn.

g. Tâm hồn, ý chí của nhân vật trữ tình qua các bài thơ *Tức cảnh Pác Bó*, *Đi đường*, *Ngắm trăng*:

Qua những bài thơ trên của chủ tịch Hồ Chí Minh, em cảm nhận nhân vật trữ tình hiện lên với một tâm hồn thi sĩ, phong thái ung dung, lạc quan, yêu đời, yêu thiên nhiên. Mặc dù sống trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ nhưng vẫn vui vẻ, kiên cường vượt qua. Qua đó, những câu thơ cũng thể hiện ý chí hiên ngang của nhân vật trữ tình, tinh thần bất khuất, can đảm khi bị xiềng xích.

Hoạt động vận dụng Bài 30: Văn bản tường trình

1. (trang 96, Ngữ Văn 8 VNEN, Tập 2) Kể ra ba tình huống cần phải viết văn bản tường trình.

Trả lời:

Ba tình huống cần phải viết văn bản tường trình:

- Bị mất đồ khi đi tham quan cùng lớp
- Chứng kiến việc một số bạn học sinh trong trường gây gỗ, đánh nhau.
- Làm hỏng tài sản trong phòng thí nghiệm của nhà trường.

2. Viết một đoạn văn khoảng 5 – 10 câu chia sẻ những hiểu biết của mình về thơ mới, trong đó có sử dụng câu trần thuật, câu nghi vấn, câu phủ định.

Trả lời:

Vào những năm 30 của thế kỉ XX, Văn học Việt Nam trải qua một cuộc cách tân lớn mà lịch sử gọi là Phong trào thơ Mới. [Tại sao lại gọi đó là thơ Mới?](#) (Câu nghi vấn) Là vì phong trào thơ

này mang sự thay đổi cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện so với thơ cổ, thơ trung đại. Về nội dung, trong khi thơ trung đại chủ yếu bày tỏ nỗi lòng, chí khí đối với vua, với nước (Thi dĩ ngôn chí), nặng tính chất giáo huấn thì thơ mới lại chủ yếu thể hiện "cái tôi" cá nhân trước con người và thế giới. Về hình thức, thơ mới không mang tính quy phạm nặng nề và gò bó như thơ ca trung đại. (Câu phủ định) Nhìn chung, thơ mới và thơ trung đại đều có những cách nhìn nhận khác nhau, mang hai màu sắc hoàn toàn khác nhau, phù hợp với tiến trình phát triển của lịch sử. Với thời điểm văn hóa cũ - mới phân tranh như giai đoạn này, việc Phong trào thơ mới ra đời và thành công đã khẳng định bước phát triển mới của thơ ca và để lại cho hậu thế những tác phẩm vô cùng giá trị.(Câu trần thuật)

3. Chọn viết lời bình cho một đoạn trích hoặc một bài thơ mới ngoài chương trình Ngữ văn lớp 8 mà em biết.

Trả lời:

+ Bài văn mẫu: **Nhớ rừng**

+ Bài văn mẫu: **Ông đồ**

+ ...

Hoạt động tìm tòi mở rộng Bài 30: Văn bản tường trình

Nhận xét về những nét khác biệt cơ bản giữa thơ mới và thơ trung đại qua những bài thơ đã học.

Trả lời:

Những nét khác biệt cơ bản giữa thơ mới và thơ trung đại:

- Về nội dung:

+ Thơ trung đại chủ yếu bày tỏ nỗi lòng, chí khí đối với vua, với nước (Thi dĩ ngôn chí), nặng tính chất giáo huấn.

VD: *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn

+ Thơ mới có cái nhìn mở rộng hơn, phóng khoáng hơn, không bị ràng buộc bởi các lễ nghi, lễ giáo như ở văn học trung đại. Thơ mới chủ yếu thể hiện “cái tôi” cá nhân trước con người và thế giới: một cái tôi thiết tha, say đắm trước thiên nhiên và con người nhưng có lúc không tránh được nỗi buồn cô đơn, bơ vơ giữa cuộc đời và không gian vô tận. Ở đây, tác giả được biểu lộ cái tôi cá nhân vào bài viết.

VD: *Quê hương* của Tế Hanh

- Về hình thức:

+ Thơ trung đại mang tính quy phạm, thể thơ gò bó vào niêm luật, hình ảnh mang nặng tính ước lệ, công thức. Hệ thống ước lệ phức tạp, nghiêm ngặt.

VD: Bài thơ “Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương” với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Bài thơ chỉ vắn vẹn trong 4 câu thơ (lời ít, ý nghĩa) nhưng đã khắc họa rõ nét số phận cũng như những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

+ Thơ mới không sử dụng nhiều hệ thống ước lệ phức tạp, thoát khỏi cách diễn đạt theo quy tắc cứng nhắc, thể thơ tự do (số tiếng, số dòng, vần, nhịp...) ngôn ngữ thơ cần với lời nói cá nhân, hình ảnh sinh động gắn với đời sống.

VD: Bài thơ "Nhớ rừng" với thể thơ tự do.